

Số: 23 /TC-KT

Quảng Ngãi, ngày 18 tháng 03 năm 2022

"V/v giải trình điều chỉnh số liệu BCTC Quý 04 và cả năm 2021; Giải trình lợi nhuận sau thuế năm 2021 so với năm 2020"

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán nhà nước
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội

1. Tên công ty: Công ty Cổ phần LILAMA 45.3
2. Mã chứng khoán: L43
3. Địa chỉ trụ sở chính: Lô 4K đường Tôn Đức Thắng - Phường Lê Hồng Phong - thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi
4. Điện thoại: 02553.710.316 FAX: 02553.710.313
5. Người thực hiện công bố thông tin: Ông Phạm Văn Thìn
6. Nội dung của thông tin công bố:

6.1 Báo cáo tài chính năm 2021 của Công ty Cổ phần LILAMA 45.3 đã được Công ty TNHH kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam soát xét ngày 18/03/2022 bao gồm: Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ theo phương pháp trực tiếp và thuyết minh Báo cáo tài chính.

6.2. Giải trình điều chỉnh số liệu trên Bảng cân đối kế toán của Báo cáo tài chính Quý 04 năm 2021 và cả năm 2021 theo số kiểm toán:

Căn cứ Báo cáo kiểm toán số 275/BCKT/TC ngày 18/03/2022 của Công ty TNHH Kiểm toán và thẩm định giá Việt Nam, Công ty Cổ phần Lilama 45.3 xin giải trình với Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội về số liệu điều chỉnh trên Bảng cân đối kế toán tại Báo cáo tài chính Quý 04 năm 2021 và cả năm 2021 như sau:

• **Trên bảng cân đối kế toán:**

ĐVT: Đồng

Các chỉ tiêu	Số liệu chưa điều chỉnh (31/12/2021)	Số liệu điều chỉnh theo kiểm toán (31/12/2021)	Chênh lệch
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	373,197,494,010	373,431,243,723	233,749,713
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	11,412,484,359	11,336,225,116	(76,259,243)
1. Tiền	11,412,484,359	11,336,225,116	(76,259,243)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	200,274,792,390	200,683,547,108	408,754,718

1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	184,802,339,980	185,211,094,698	408,754,718
IV. Hàng tồn kho	161,510,217,261	161,411,471,499	(98,745,762)
1. Hàng tồn kho	161,510,217,261	161,411,471,499	(98,745,762)
TỔNG TÀI SẢN	413,014,951,711	413,248,701,424	233,749,713
A. NỢ PHẢI TRẢ	374,785,357,488	373,618,820,527	(1,166,536,961)
I. Nợ ngắn hạn	374,785,357,488	373,618,820,527	(1,166,536,961)
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	10,368,980,147	10,406,139,667	37,159,520
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	18,633,508,076	17,506,419,106	(1,127,088,970)
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	47,629,498,435	47,552,890,924	(76,607,511)
D.VỐN CHỦ SỞ HỮU	38,229,594,223	39,629,880,897	1,400,286,674
I. Vốn chủ sở hữu	38,229,594,223	39,629,880,897	1,400,286,674
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(36,135,836,022)	(34,735,549,348)	1,400,286,674
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	(28,795,791,997)	(26,202,472,224)	2,593,319,773
- LNST chưa phân phối kỳ này	(7,340,044,025)	(8,533,077,124)	(1,193,033,099)
TỔNG NGUỒN VỐN	413,014,951,711	413,248,701,424	233,749,713

Nguyên nhân:

- Về tổng tài sản: Tài sản ngắn hạn tăng: 233.749.713 đồng do các nguyên nhân sau: Tài khoản tiền và tương đương tiền giảm: 76.259.243 đồng do kế toán vào trùng 2 lần chứng từ chuyển tiền lương cho đội công trình: 76.607.511 đồng và đánh giá tỷ giá gốc ngoại tệ tiền USD giảm: 346.726 đồng và tăng doanh thu tài chính: 1.502 đồng; Phải thu khách hàng tăng: 408.754.718 đồng, do Công ty ghi nhận thiếu doanh thu và công nợ của công trình nhà máy thủy điện La Hiêng 2 và cho thuê cầu Sumitomo 76XA-0372, chi phí dở dang cuối kỳ giảm: 98.745.762 đồng do hạch toán kết chuyển giá vốn của hai công trình trên, do vậy làm tổng tài sản đã công bố so với số liệu của kiểm toán tăng: 233.749.713 đồng

- Về nguồn vốn: Nợ phải trả giảm: 1.166.536.961 đồng do các nguyên nhân sau: Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước tăng: 37.159.520 đồng do ghi nhận công nợ phải thu khách hàng và tiền thuế VAT phải nộp nhà nước; Chi phí phải trả ngắn hạn giảm: 1.127.088.970 đồng do các khoản chi phí đã trích trước cho các công trình: Nhà máy thủy điện Cẩm Thủy, thủy điện Trung Sơn, thủy điện Trung Thu đã quyết toán không còn chi phí phải trả do vậy công ty xử lý giảm các khoản chi phí này theo quy định hiện hành; Phải trả nội bộ ngắn hạn giảm: 76.607.511 đồng do điều chỉnh giảm tiền lương đội công trình vào trùng 2 lần; Vốn chủ sở hữu tăng: 1.400.286.674 đồng,

do lợi nhuận sau thuế năm 2021 đã công bố lỗ: 9.933.363.798 đồng so với số kiểm toán lỗ: 8.533.077.124 đồng, giảm lỗ: 1.400.286.674 đồng và giảm số lỗ lũy kế từ: (36.135.836.022) đồng so với số kiểm toán giảm lỗ lũy kế: (34.735.549.348) đồng, do vậy nguồn vốn công bố so với số liệu của kiểm toán tăng: 233.749.713 đồng

Nguyên nhân: Doanh thu Quý 4 và cả năm 2021 tăng: 371,595,198 đồng do Công ty bỏ sót phải hạch toán bổ sung doanh thu của 2 công trình: Nhà máy thủy điện La Hiêng 2: 196.861.198 đồng (*nghiệm thu trong năm 2021*) và cho thuê cầu Sumitomo 76XA-0372: 174.734.000 đồng (*tiền thuê tháng 11 + tháng 12 năm 2021*) giá vốn Quý 4 và cả năm 2021 tăng: 98.745.762 đồng do kết chuyển giá vốn tương ứng của 2 công trình trên, dẫn tới lợi nhuận gộp tăng: 272.849.436 đồng, doanh thu hoạt động tài chính tăng: 1.502 đồng và chi phí tài chính giảm: 346.766 đồng, do đánh giá lại gốc tỷ giá ngoại tệ tiền gửi USD tại ngày 31/12/2021, dẫn tới lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh Quý 4 và cả năm 2021 tăng: 273.197.704 đồng, Thu nhập khác tăng: 1.127.088.970 đồng tăng do thu nhập từ các khoản đã trích trước các khoản phải trả, nay công trình đã quyết toán nên không phải trả khách hàng, làm tăng lợi nhuận khác: 1.127.286.674 đồng, tổng lợi nhuận kế toán trước và sau thuế tăng: 1.400.286.674 đồng, giảm lỗ năm 2021 và giảm lỗ lũy kế từ (36.135.836.022) đồng so với số kiểm toán giảm lỗ lũy kế: (34.735.549.348) đồng.

• **Báo cáo lưu chuyển tiền tệ:**

CHỈ TIÊU	MÃ CHỈ TIÊU	Số liệu chưa điều chỉnh	Số liệu đã kiểm toán	Chênh lệch
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(33,860,257,998)	(33,936,865,509)	(76,607,511)
4. Tiền lãi vay đã trả	04	(1,548,598,500)	(2,195,479,618)	(646,881,118)
6. Tiền thu khác từ hoạt động KD	06	-	646,881,118	646,881,118
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(1,962,990,465)	(1,962,990,465)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(19,935,463,591)	(20,012,071,102)	(76,607,511)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50	3,816,245,996	3,739,638,485	(76,607,511)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	7,596,623,304	7,596,623,304	-
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(384,941)	(36,673)	348,268
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	11,412,484,359	11,336,225,116	(76,259,243)

- Nguyên nhân: Lưu chuyển từ hoạt động kinh doanh giảm 76.607.511 đồng do giảm khoản phải trả tiền lương của đội công trình và đánh giá lại tiền gửi gốc ngoại tệ, ảnh hưởng đến tiền và tương đương tiền cuối kỳ giảm: 76.259.243 đồng.

6.3. Giải trình lợi nhuận sau thuế năm 2021 so với năm 2020”

+ Lợi nhuận sau thuế năm 2021 lỗ: (8.533.077.124) đồng so với năm 2020 lãi là: 230.836.224 đồng, giảm: 8.763.913.348 đồng, giảm quá 10% lợi nhuận so với năm 2020 do những nguyên nhân sau:

- Doanh thu năm 2021 là: 38.044.820.050 đồng so với năm 2020 là: 500.120.430.751 đồng, giảm: 462.075.610.701 đồng (giảm 92,4%).

- Giá vốn hàng bán năm 2021: 27.840.503.061 đồng so với năm 2020: 472.072.228.134 đồng, giảm 444.231.725.073 đồng (giảm 94,1%)

- Lợi nhuận gộp năm 2021 so với năm 2020 lỗ: 17.843.885.628 đồng

- Doanh thu hoạt động tài chính năm 2021 là: 4.485.945 đồng so với năm 2020 là: 122.487.578 đồng, giảm: 118.001.633 đồng.

- Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2021 lỗ: (9.659.842.720) đồng so với lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh năm 2020 lãi: 351.788.043 đồng.

Trên đây là nội dung giải trình điều chỉnh số liệu trên Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ Quý 4 và cả năm 2021, đồng thời giải trình về lợi nhuận sau thuế năm 2021 so với lợi nhuận sau thuế năm 2020.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo tài chính năm 2021 đã kiểm toán: Lilama45-3.com

Nơi nhận:

- Như trên
- Lưu phòng TC-KT

